GATE 2020

Graduate Aptitude Test in Engineering 2020

IIT Delhi
Organising Institute



Answer Key - XE: Engineering Sciences

Q.No.	Session	Que.Type	Sec. Name	Key	Marks
1	3	MCQ	GA	C	1
2	3	MCQ	GA	B	1
3	3	MCQ	GA	D	1
4	3	MCQ	GA	D	1
5	3	MCQ	GA	B	1
6	3	MCQ	GA	D	2
7	3	MCQ	GA	C	2
8	3	MCQ	GA	B	2
9	3	MCQ	GA	B	2
10	3	MCQ	GA	B	2
1	3	MCQ	XE-A	B	1
2	3	MCQ	XE-A	D	1
3	3	MCQ	XE-A	B	1
4	3	MCQ	XE-A	A	1
5	3	MCQ	XE-A	D	1
6	3	NAT	XE-A	5 to 5	1
7	3	NAT	XE-A	2 to 2	1
8	3	MCQ	XE-A	C	2
9	3	MCQ	XE-A	A	2
10	3	MCQ	XE-A	B	2
11	3	NAT	XE-A	0.43 to 0.47	2
1	3	MCQ	XE-B	A	1
2	3	MCQ	XE-B	B	1
3	3	MCQ	XE-B	D	1
4	3	MCQ	XE-B	C	1
5	3	MCQ	XE-B	B	1
6	3	MCQ	XE-B	A	1
7	3	MCQ	XE-B	D	1
8	3	NAT	XE-B	0.30 to 0.33	1
9	3	NAT	XE-B	5 to 5	1
10	3	MCQ	XE-B	C	2
11	3	MCQ	XE-B	B	2
12	3	MCQ	XE-B	A	2
13	3	MCQ	XE-B	C	2
14	3	MCQ	XE-B	A	2
15	3	NAT	XE-B	79.60 to 79.90	2
16	3	NAT	XE-B	183.5 to 184.5	2
17	3	NAT	XE-B	1.21 to 1.35	2
18	3	NAT	XE-B	857 to 924	2
19	3	NAT	XE-B	0.035 to 0.045	2
20	3	NAT	XE-B	20 to 20	2
21	3	NAT	XE-B	30.5 to 34.5	2
22	3	NAT	XE-B	5 to 5 OR 500 to 500	2

1	3	MCQ	XE-C	C	1
2	3	MCQ	XE-C	B	1
3	3	MCQ	XE-C	B	1
4	3	MCQ	XE-C	A	1
5	3	MCQ	XE-C	A	1
6	3	MCQ	XE-C	C	1
7	3	NAT	XE-C	5.3 to 5.7	1
8	3	NAT	XE-C	157 to 159	1
9	3	NAT	XE-C	1.9 to 2.1	1
10	3	MCQ	XE-C	B	2
11	3	MCQ	XE-C	C	2
12	3	MCQ	XE-C	D	2
13	3	MCQ	XE-C	D	2
14	3	NAT	XE-C	69 to 69	2
15	3	NAT	XE-C	0.84 to 0.90	2
16	3	NAT	XE-C	0.33 to 0.45	2
17	3	NAT	XE-C	0.330 to 0.334	2
18	3	NAT	XE-C	4 to 4	2
19	3	NAT	XE-C	0.97 to 1.09	2
20	3	NAT	XE-C	0.36 to 0.45	2
21	3	NAT	XE-C	2.20 to 2.28	2
22	3	NAT	XE-C	77 to 83	2
1	3	MCQ	XE-D	D	1
2	3	MCQ	XE-D	C	1
3	3	MCQ	XE-D	B	1
4	3	MCQ	XE-D	B	1
5	3	MCQ	XE-D	A	1
6	3	MCQ	XE-D	B	1
7	3	NAT	XE-D	6.25 to 6.40	1
8	3	NAT	XE-D	90 to 90	1
9	3	NAT	XE-D	150 to 150	1
10	3	MCQ	XE-D	D	2
11	3	MCQ	XE-D	A	2
12	3	MCQ	XE-D	B	2
13	3	MCQ	XE-D	D	2
14	3	MCQ	XE-D	A	2
15	3	NAT	XE-D	9.99 to 10.00	2
16	3	NAT	XE-D	18.60 to 18.90	2
17	3	NAT	XE-D	4.477 to 4.487	2
18	3	NAT	XE-D	7 to 7	2
19	3	NAT	XE-D	10.160 to 10.340	2
20	3	NAT	XE-D	5.600 to 5.650	2
21	3	NAT	XE-D	0.175 to 0.190	2
22	3	NAT	XE-D	1.90 to 2.05	2
1	3	MCQ	XE-E	B	1
2	3	MCQ	XE-E	B	1
3	3	MCQ	XE-E	A	1
4	3	MCQ	XE-E	A	1
5	3	MCQ	XE-E	D	1
6	3	NAT	XE-E	125 to 125	1
7	3	NAT	XE-E	1 to 1	1
8	3	NAT	XE-E	198 to 202	1
9	3	NAT	XE-E	63.5 to 65.5	1

10	3	MCQ	XE-E	A	2
11	3	MCQ	XE-E	D	2
12	3	MCQ	XE-E	B	2
13	3	MCQ	XE-E	A	2
14	3	MCQ	XE-E	A	2
15	3	MCQ	XE-E	C	2
16	3	NAT	XE-E	1.15 to 1.25	2
17	3	NAT	XE-E	590 to 600	2
18	3	NAT	XE-E	2610 to 2614	2
19	3	NAT	XE-E	1.20 to 1.26	2
20	3	NAT	XE-E	39 to 42	2
21	3	NAT	XE-E	0.52 to 0.57	2
22	3	NAT	XE-E	2.30 to 2.40	2
1	3	MCQ	XE-F	C	1
2	3	MCQ	XE-F	B	1
3	3	MCQ	XE-F	C	1
4	3	MCQ	XE-F	C	1
5	3	MCQ	XE-F	C	1
6	3	MCQ	XE-F	A	1
7	3	MCQ	XE-F	B	1
8	3	MCQ	XE-F	B	1
9	3	MCQ	XE-F	C	1
10	3	MCQ	XE-F	C	2
11	3	MCQ	XE-F	D	2
12	3	MCQ	XE-F	D	2
13	3	MCQ	XE-F	B	2
14	3	MCQ	XE-F	B	2
15	3	NAT	XE-F	17150 to 17250	2
16	3	NAT	XE-F	15.3 to 15.5	2
17	3	NAT	XE-F	60000 to 62000	2
18	3	NAT	XE-F	0.40 to 0.42	2
19	3	NAT	XE-F	15800 to 16000	2
20	3	NAT	XE-F	0.2 to 0.2	2
21	3	NAT	XE-F	15.75 to 15.95	2
22	3	NAT	XE-F	14.9 to 15.1	2
1	3	MCQ	XE-G	B	1
2	3	MCQ	XE-G	B	1
3	3	MCQ	XE-G	C	1
4	3	MCQ	XE-G	A	1
5	3	MCQ	XE-G	A	1
6	3	MCQ	XE-G	B	1
7	3	MCQ	XE-G	D	1
8	3	NAT	XE-G	0.15 to 0.21	1
9	3	NAT	XE-G	17.00 to 19.00	1
10	3	MCQ	XE-G	D	2
11	3	MCQ	XE-G	A	2
12	3	MCQ	XE-G	D	2
13	3	MCQ	XE-G	B	2
14	3	MCQ	XE-G	C	2
15	3	MCQ	XE-G	B	2
16	3	MCQ	XE-G	C	2
17	3	MCQ	XE-G	A	2
18	3	MCQ	XE-G	B	2

19	3	NAT	XE-G	491.00 to 495.00	2
20	3	NAT	XE-G	63.00 to 67.00	2
21	3	NAT	XE-G	49.00 to 52.00	2
22	3	NAT	XE-G	11.00 to 14.00	2
1	3	MCQ	XE-H	D	1
2	3	MCQ	XE-H	A	1
3	3	MCQ	XE-H	B	1
4	3	MCQ	XE-H	C	1
5	3	MCQ	XE-H	B	1
6	3	MCQ	XE-H	C	1
7	3	NAT	XE-H	-0.17 to -0.16	1
8	3	NAT	XE-H	0.2 to 0.2	1
9	3	NAT	XE-H	24 to 24	1
10	3	MCQ	XE-H	D	2
11	3	MCQ	XE-H	B	2
12	3	MCQ	XE-H	A	2
13	3	MCQ	XE-H	A	2
14	3	MCQ	XE-H	B	2
15	3	MCQ	XE-H	C	2
16	3	MCQ	XE-H	C	2
17	3	NAT	XE-H	10000 to 10000	2
18	3	NAT	XE-H	3.40 to 3.50	2
19	3	NAT	XE-H	-1000 to -1000	2
20	3	NAT	XE-H	10 to 10	2
21	3	NAT	XE-H	10.3 to 10.5	2
22	3	NAT	XE-H	-100 to -100 or 100 to 100	2

Copyright : GATE 2020, IIT Delhi